

Bản án số: 82/2021/HS-PT
Ngày: 05/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Thu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Dũng

Bà Trương Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 87/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Trương Minh Q do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2021/HS-ST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1996 tại Cần Thơ.

Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (sống) và bà Nguyễn Thị D (sống); vợ là Lương Thị Ngọc N, sinh năm 1997; con có 01 người, sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Trương Minh Q**, sinh năm 1991 tại Hậu Giang.

Nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Trương Minh H (chết) và bà Trần Kim K (sống); vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1987; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 14/9/2020, Trần Văn V đi bộ tìm quán café để uống nước. Khi đi đến tiệm Internet Gia Bảo tại đường B4, khu vực 9, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ thì phát hiện xe moto nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 65D1-189.70 màu đen xám của anh Nguyễn H đậu phía trước, chìa khóa còn gắn trên xe không có người trông coi nên V nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. V đi đến lấy nón bảo hiểm treo sẵn trên xe đội vào đầu, dẫn xe xuống đường rồi lên xe nổ máy điều khiển xe chạy về nhà. Khi về đến nhà, V tháo biển số xe 65D1-189.70 ra khỏi xe rồi cất giấu vào hộc tủ. Đến khoảng 19 giờ ngày 14/9/2020, V điện thoại cho Nguyễn Văn D để hỏi có chỗ nào ra chiếc xe moto nhãn hiệu Yamaha Sirius nên D kêu V đem xe qua nhà cho D coi. Khi V chạy xe đến lộ nông thôn cặp sông gần nhà D thì D kêu Huỳnh Văn Đ điều khiển ghe qua sông. Đến nơi Đ ở dưới ghe còn D lên coi xe. Khi thấy xe không có biển số thì D hỏi biển số xe đâu, V trả lời đã vứt bỏ. D tiếp tục hỏi nguồn gốc xe ở đâu thì V trả lời “xe ở ngoài Cần Thơ”. Lúc này, D đã biết xe do V trộm cắp mà có. D đồng ý mua với giá 3.000.000 đồng.

Đến khoảng 10 giờ ngày 15/9/2020, D điện thoại cho Trương Minh Q để nhờ bán dùm chiếc xe với giá 3.000.000 đồng, nếu bán cao hơn thì D cho Q hưởng phần chênh lệch và nói với Q xe không có giấy tờ, không có biển số, Q đồng ý. Lúc này Q gọi điện cho bạn là Nguyễn Minh K để nhờ điều khiển xe chở đến nhà của D, đồng thời Q mang theo biển số xe moto (không nhớ số) để gắn biển số vào chiếc xe rồi một mình điều khiển đến Thành phố Hồ Chí Minh bán cho người thanh niên (chưa rõ nhân thân) được 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 16/9/2020, D qua nhà Q để lấy tiền bán xe, do tiêu xài hết nên Q nói dối với D xe bị lực lượng Cảnh sát giao thông tạm giữ do vi phạm, rồi giao chiếc xe moto mang biển số 65B2-135.86 cho D để làm tin.

Đến 15 giờ ngày 17/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn V tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ thu giữ 01 biển số xe 65D1-189.70 (đã qua sử dụng) để trong hộc tủ trong nhà của V; 01 áo thun màu xanh hiệu TDT – Đại học Tôn Đức Thắng đã qua sử dụng.

Đến ngày 18/9/2020, Nguyễn Văn D tự nguyện giao nộp chiếc xe moto hiệu Class 1 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe moto, xe máy mang biển số 65B2-135.86; 01 giấy mua bán xe moto biển số 65B2-135.86.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 87/TCKH-HĐĐG ngày 22/9/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc UBND quận C, thành phố Cần Thơ kết luận: 01 xe moto nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 65D1-189.70, màu đen xám; số máy 1FC4014920; số khung FC40EY014918 (đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu 24/11/2014) có giá 11.300.000 đồng; 01 nón bảo hiểm màu trắng, loại nón sơn (đã qua sử dụng, không hóa đơn, chứng từ, không thu hồi được) chưa đủ cơ sở xác định được giá trị.

Quá trình điều tra, Trần Văn V, Nguyễn Văn D và Trương Minh Q đã thừa nhận hành vi phạm tội.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C, thành phố Cần Thơ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn H 01 biển số xe moto biển số 65D1-189.70.

Đối với xe moto biển kiểm soát 65B2-135.86, qua xác minh do chị Lê Thị Trúc L ở ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ đứng tên chủ sở hữu nhưng chị đã bán lại cho anh Dương Văn N là chủ cửa hàng mua bán xe MT (địa chỉ phường B, quận C). Đến ngày 13/10/2019, anh N bán xe lại cho Q, có làm giấy tờ tay, không có hợp đồng mua bán và chưa sang tên.

Đối với Huỳnh Văn Đ, Trương Văn P và Nguyễn Minh K không biết xe do V phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn H yêu cầu bồi thường số tiền 11.000.000 đồng và các bị cáo Nguyễn Văn D, Trương Minh Q đã thỏa thuận, bồi thường xong.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 56/2021/HS-ST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân quận C đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Văn D** và **Trương Minh Q** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Điều 17, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng Điều 17, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Minh Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định hình phạt đối với một bị cáo khác, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, vào ngày 24/5/2021 bị cáo Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 26/5/2021 bị cáo Trương Minh Q có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo và không cung cấp thêm chứng cứ nào mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa nhận định: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng người, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo, đã xem xét toàn diện về các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ về các tình tiết mới, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn D và Trương Minh Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã tuyên. Đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 14/9/2020, Trần Văn V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe moto hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 65D1-189.70 của anh Nguyễn H. Sau đó, V liên hệ với Nguyễn Văn D nhờ tiêu thụ chiếc xe trên, D đồng ý và trả cho V số tiền 3.000.000 đồng. Ngày 15/9/2020, D liên hệ Trương Minh Q nhờ Q bán chiếc xe trên với giá 3.000.000 đồng nếu bán hơn giá đó thì D cho Q

hưởng số tiền chênh lệch. Tuy D và Q không hứa hẹn trước với Trần Văn V nhưng trong quá trình tiêu thụ tài sản, cả D và Q đều biết rõ chiếc xe moto hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 65D1-189.70 là tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản.

Với hành vi trên, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn D và Trương Minh Q về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn D kháng cáo xin được hưởng án treo với các lý do cha ruột là ông Nguyễn Văn T thường xuyên bị bệnh cao huyết áp, đau cột sống thắt lưng không lao động nặng được, anh bị cáo đã có vợ con và sinh sống riêng không giúp gì được cho cha mẹ, bản thân bị cáo có vợ và con nhỏ mới được 20 tháng, bị cáo là lao động chính nuôi sống gia đình.

Bị cáo Trương Minh Q kháng cáo xin được hưởng án treo với các lý do trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án tiền sự, là công dân tốt luôn chấp hành pháp luật, bị cáo phạm tội lần đầu, quá trình điều tra bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo đã khắc phục hậu quả và bồi thường cho bị hại, gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có con nhỏ và là lao động chính trong gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Các bị cáo đều biết rõ nguồn gốc tài sản là do người khác phạm tội mà có nhưng vì háms lợi, xem thường pháp luật nên vẫn bất chấp hậu quả để thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội và gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, không chỉ gây mất an ninh trật tự tại địa phương mà còn tiếp tay cho hành vi phạm tội của người khác. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi của các bị cáo để đảm bảo tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Đánh giá về tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D, ngoài việc bị cáo biết rõ nguồn gốc tài sản là do V thực hiện hành vi trộm cắp mà có, bản thân bị cáo có mối quan hệ xã hội phức tạp với Trần Văn V (theo lời khai của bị cáo thì bị cáo và V quen biết do cùng chơi đá gà). Bị cáo cho rằng bị cáo oan ức khi thiệt hại về tài sản, khi bị cáo vừa mất tiền giao cho V, không nhận được tiền bán xe, vừa phải bồi thường cho bị hại nhưng chính bị cáo đã tự đưa mình vào con đường phạm pháp, lẽ ra khi bị cáo biết bị cáo V trộm cắp tài sản và nhờ bị cáo tiêu thụ dùm bị cáo có thể trình báo với lực lượng chức năng có thẩm quyền để tố giác hành vi phạm tội của V đồng thời góp phần giữ gìn trật tự xã hội.

Đối với bị cáo Trương Minh Q, tuy bị cáo không trực tiếp biết Trần Văn V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng quá trình giao nhận xe đối với bị cáo D, bị cáo cũng nhận thức được đó là tài sản do người khác phạm tội mà có, bị cáo còn tích cực giúp sức khi gắn biển số mới cho xe để thuận tiện cho hoạt động tiêu thụ. Cũng như bị cáo D, lẽ ra khi biết được nguồn gốc của chiếc xe moto là do phạm tội mà có, bị cáo lại lựa chọn việc không thực hiện nghĩa vụ công dân là tố giác tội phạm mà còn tiếp tay tiêu thụ tài sản. Chưa kể, khi bán được xe bị cáo còn chiếm đoạt riêng số tiền đó để tiêu xài cá nhân.

Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện và áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo đúng quy định, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng là thỏa đáng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không bổ sung thêm tình tiết nào mới để làm cơ sở xem xét. Mặt khác, lý do các bị cáo nêu là lao động chính trong gia đình không phải là căn cứ để áp dụng cho các bị cáo được hưởng án treo nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Từ những phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2021/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Văn D** và **Trương Minh Q** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Minh Q 06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

4. Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- Cơ quan tố tụng Q. C;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Thư